

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức mua sắm hoá chất xét nghiệm với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định

Địa chỉ: Đường Phù Nghĩa, P. Lộc Hạ, TP. Nam Định

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

DS. Bùi Thị Thu Hà

Trưởng Khoa Dược – TTBYT – KSNK

ĐT: 0915115504

Email: hathuy11.5@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Đơn vị tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định, Đường Phù Nghĩa, P. Lộc Hạ, TP. Nam Định

- Nhận qua email: hathuy11.5@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ thời điểm đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đến trước 17h00 ngày 28 tháng 07 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 28 tháng 07 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hoá chất xét nghiệm sinh hoá.

STT	Danh mục hàng hoá	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GLUCOSE	Thuốc thử chẩn đoán định lượng GLUCOSE trong huyết thanh và huyết tương người *Thành phần Hóa chất R1: Phosphate buffer: 250 mmol/l; Glucose oxidase > 25 U/ml; Peroxidase > 2 U/ml; Phenol: 5 mmol/l; 4-aminantipyrine: 0.5 mmol/l *Thể tích ≥ 440ml/Hộp	26	Hộp
2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol	Thuốc thử chẩn đoán định lượng HDL Cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người *Thành phần Hóa chất R1: MES buffer (pH 6.5): 6.5 mmol/l TODB N, N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline: 3 mmol/l Polyvinyl sulfonic acid: 50 mg/l Polyethylene-glycol-methyl ester: 30 ml/l MgCl ₂ : 2 mmol/l *Thành phần Hóa chất R2: MES buffer (pH 6.5): 50 mmol/l Cholesterol esterase: 5 kU/l Cholesterol oxidase: 20 kU/l Peroxidase: 5 kU/l 4-aminoantipyrine: 0.9 g/l Detergent: 0.5 % *Thể tích: (R1: ≥ 120ml+ R2: ≥ 40ml)/Hộp	42	Hộp
3	Thuốc thử định lượng nồng độ LDL-Cholesterol	Thuốc thử chẩn đoán định lượng LDL-Cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người *Thành phần Hóa chất R1: MES buffer (pH 6.5): 50 mmol/l Polyvinylsulfonic acid: 50 mg/l Polyethyleneglycolmethylester: 30 ml/l 4-aminoantipyrine: 0.9 g/l Cholesterol esterase: 5 kU/l Cholesterol oxidase: 20 kU/l Peroxidase: 5 kU/l Detergent *Thành phần Hóa chất R2: MES buffer (pH 6.5): 50 mmol/l Detergent TODB N,N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline: 3 mmol/l *Thể tích: (R1: ≥ 60ml+ R2: ≥ 20ml)/Hộp	84	Hộp
4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng URIC ACID	Thuốc thử chẩn đoán định lượng URIC ACID trong huyết thanh và huyết tương người *Thành phần Hóa chất R1: Pipes Buffer (pH 7.0): 50 mmol/l DHBS: 0.50 mmol/l Uricase: ≥ 0.32 kU/l Peroxidase: ≥ 1.0 kU/l 4-Aminoantipyrine: 0.31 mmol/l	3	Hộp

		*Thể tích $\geq 440\text{ml}/\text{Hộp}$		
5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng UREA	Thuốc thử chẩn đoán định lượng UREA trong huyết thanh và huyết tương người *Thành phần Hóa chất R1: Tris Buffer : 100 mmol/l α -Ketoglutarate: 5.49 mmol/l Urease (Jack Bean): ≥ 10 KU/l GLDH (Microorganism): ≥ 3.8 KU/l *Thành phần Hóa chất R2: NADH: 1.66 mmol/l. *Thể tích: (R1: $\geq 220\text{ml} + \text{R2: } \geq 55\text{ml}$)/Hộp	42	Hộp
6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AST/GOT	Thuốc thử chẩn đoán định lượng AST/GOT trong huyết thanh và huyết tương người *Thành phần Hóa chất R1: Tris Buffer (pH 7.8): 110 mmol/l L-Aspartic acid: 340 mmol/l LDH: ≥ 4000 U/l MDH : ≥ 750 U/l *Thành phần Hóa chất R2: CAPSO: 20 mmol/l 2-oxoglutarate: 85 mmol /l NADH: 1.05 mmol/l *Thể tích: (R1: $\geq 264\text{ml} + \text{R2: } \geq 66\text{ml}$)/Hộp	35	Hộp
7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ALT/GPT	Thuốc thử chẩn đoán định lượng ALT/GPT trong huyết thanh và huyết tương người *Thành phần Hóa chất R1: Tris Buffer (pH 7.5): 137.5 mmol/l L-Alanine: 709 mmol/l LDH (microbial): ≥ 2000 U/l *Thành phần Hóa chất R2: CAPSO: 20 mmol/l 2-oxoglutarate: 85 mmol /l NADH: 1.05 mmol/l *Thể tích: (R1: $\geq 264\text{ml} + \text{R2: } \geq 66\text{ml}$)/Hộp	35	Hộp
8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TRIGLYCERIDES	Thuốc thử chẩn đoán định lượng TRIGLYCERIDES trong huyết thanh và huyết tương người *Thành phần chính: Good's buffer (pH 7,2): 50 mmol/l 4-Chlorophenol: 4 mmol/l Mg 2+ : 15 mmol/l ATP: 2 mmol/l Glycerolkinase: $\geq 0,4$ KU/l Peroxidase: $\geq 2,0$ KU/l Lipoproteinlipase: $\geq 2,0$ KU/l Glycerol-3-phosphate-Oxidase: $\geq 0,5$ KU/l 4-Aminoantipyrine: 0,5 mmol/l. *Thể tích $\geq 440\text{ml}/\text{Hộp}$	13	Hộp
9	Hóa chất rửa máy sinh hóa	Dung dịch rửa đậm đặc. Thành phần: có chứa sodium hydroxide Thể tích $\geq 400\text{ml}/\text{Hộp}$	96	Hộp
10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CHOLESTEROL	Thuốc thử chẩn đoán định lượng CHOLESTEROL trong huyết thanh và huyết tương người *Thành phần chính:	13	Hộp

		<p>Good's Buffer: 50 mmol/l Phenol: 5 mmol/l 4-aminoantipyrine: 0.3 mmol/l Cholesterol esterase: ≥ 200 U/l Cholesterol oxidase: ≥ 50 U/l Peroxidase: ≥ 3 kU/l. *Thể tích ≥ 440ml/Hộp</p>		
11	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Albumin	<p>Thuốc thử chẩn đoán định lượng Albumin trong huyết thanh và huyết tương người *Thành phần : Bromocresol green: 0.21 mmol/l; Succinate Buffer: 100 mmol/l; Sodium Azide: 0.5 g/l *Thể tích ≥ 440ml/Hộp</p>	2	Hộp
12	Thuốc thử xét nghiệm định lượng GGT	<p>Thuốc thử chẩn đoán định lượng GGT trong huyết thanh và huyết tương người *Thành phần hóa chất R1: Tris buffer (pH 8.25): 125 mmol/l Glycyl Glycine: 125 mmol/l Thành phần hóa chất R2: L-γ-Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide: 20 mmol/l *Thể tích: (R1: ≥ 88ml+ R2: ≥ 22ml)/Hộp</p>	5	Hộp
13	Thuốc thử định lượng nồng độ Protein	<p>Thuốc thử chẩn đoán định lượng Protein trong huyết thanh và huyết tương người *Thành phần chính : Copper II Sulphate: 12 mmol/l Potassium Sodium Tartrate: 31.9 mmol/l Potassium Iodide: 30.1 mmol/l Sodium Hydroxide: 0.6 mol/l. *Thể tích ≥ 440ml/Hộp</p>	2	Hộp
14	Thuốc thử định lượng nồng độ Bilirubin trực tiếp	<p>Thuốc thử chẩn đoán định lượng Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh và huyết tương người *Thành phần hóa chất R1: Sulphanilic Acid: 28.87 mmol/l; HCl: 23 mmol/l *Thành phần hóa chất R2: Sodium Nitrite: 2.9 mmol/l *Thể tích: (R1: ≥ 264ml+ R2: ≥ 66ml)/Hộp</p>	2	Hộp
15	Thuốc thử định lượng nồng độ Bilirubin toàn phần	<p>Thuốc thử chẩn đoán định lượng Bilirubin toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người *Thành phần hóa chất R1: Sulphanilic Acid: 28.87 mmol/l; HCl: 58.8 mmol/l; Cetrimonium Bromide: 68.6 mmol/l *Thành phần hóa chất R2: Sodium Nitrite: 2.90 mmol/l *Thể tích: (R1: ≥ 264ml+ R2: ≥ 66ml)/Hộp</p>	2	Hộp
16	Chất chuẩn các thông số xét nghiệm sinh hóa	<p>Hoá chất để hiệu chuẩn các thông số xét nghiệm sinh hóa Thể tích ≥ 12ml/Hộp</p>	10	Hộp
17	Chất kiểm tra giá trị bình thường các thông số xét nghiệm sinh hóa	<p>Hoá chất dùng để kiểm tra giá trị bình thường các thông số xét nghiệm sinh hóa. Thể tích: ≥ 20ml/hộp</p>	10	Hộp

18	Chất kiểm tra giá trị cao các thông số xét nghiệm sinh hóa	Hoá chất dùng để kiểm tra giá trị bệnh lý các thông số xét nghiệm sinh hóa. Thể tích: $\geq 20\text{ml}/\text{hộp}$	10	Hộp
19	Chất hiệu chuẩn HDL/LDL	Hoá chất dùng để hiệu chuẩn các thuốc thử xét nghiệm định lượng HDL Cholesterol và LDL Cholesterol Thể tích $\geq 2\text{ml}/\text{Hộp}$	10	Hộp
20	Dung dịch khử khuẩn rửa buồng phản ứng cho máy sinh hoá	Dung dịch khử khuẩn rửa buồng phản ứng cho máy xét nghiệm sinh hoá *Thành phần chính: Detergent $< 1.0\%$ Preservative $< 10.0\%$ *Thể tích $\geq 500\text{ml}/\text{Chai}$	24	Chai
21	Dung dịch rửa có tính acid	Dung dịch rửa có tính acid dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá Thể tích $\geq 500\text{ml}/\text{Chai}$	12	Chai
22	Thuốc thử định lượng nồng độ Creatine Kinase MB	Thuốc thử chẩn đoán định lượng Creatine Kinase MB trong huyết thanh và huyết tương người *Thành phần Hóa chất R1: Imidazole buffer, pH 6.1: 125 mmol/l Glucose: 25 mmol/l Magnesium acetate: 12.5 mmol/l EDTA: 2 mmol/l N-acetyl-L-cysteine: 25 mmol/l NADP: 2.4 mmol/l Hexokinase: $> 6.8 \text{ U/ml}$ Anti-CK antibodies (goat) blocking capacity up to: 2000 U/l CK-MM *Thành phần Hóa chất R2: ADP: 15.2 mmol/l D-glukoso-6-phosphate-dehydrogenase: $> 8.8 \text{ U/ml}$ Creatine phosphate: 250 mmol/l AMP: 25 mmol/l Diadenosine pentaphosphate: 103 $\mu\text{mol/l}$ *Thể tích: (R1: $\geq 88\text{ml} + \text{R2: } \geq 22\text{ml}$)/Hộp	3	Hộp
23	Thuốc thử định lượng nồng độ Creatine Kinase	Thuốc thử chẩn đoán định lượng Creatine Kinase trong huyết thanh và huyết tương người *Thành phần Hóa chất R1: Imidazole buffer, pH 6.1: 125 mmol/l Glucose 25 mmol/l Magnesium acetate: 12.5 mmol/l EDTA: 2 mmol/l N-acetylcysteine: 25 mmol/l NADP: 2.4 mmol/l Hexokinase: $> 6.8 \text{ U/ml}$ *Thành phần Hóa chất R2: ADP: 15.2 mmol/l D-glukoso-6-phosphate-dehydrogenase: $> 8.8 \text{ U/ml}$ Creatine phosphate: 250 mmol/l AMP: 25 mmol/l Diadenosine pentaphosphate: 103 $\mu\text{mol/l}$ *Thể tích: (R1: $\geq 88\text{ml} + \text{R2: } \geq 22\text{ml}$)/Hộp	3	Hộp
24	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng Microalbumin Thể tích $\geq 2\text{ml}/\text{Hộp}$	39	Hộp

	Microalbumin			
25	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Microalbumin niệu	<p>Chất thử xét nghiệm định lượng Microalbumin niệu</p> <p>Thành phần chính:</p> <p>* R1:</p> <p>Tris/HCl buffer: 20 mmol/L</p> <p>Polyethylene Glycol: 6%(w/V)</p> <p>NaCl: 150 mmol/L</p> <p>*R2:</p> <p>Tris/HCl buffer: 20 mmol/L</p> <p>Anti (human) albumin: 20%</p> <p>NaCl: 150 mmol/L</p> <p>Thể tích: (R1: $\geq 60\text{ml}$+ R2: $\geq 20\text{ml}$)/Hộp</p>	34	Hộp
26	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Microalbumin	<p>Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Microalbumin</p> <p>Thể tích $\geq 12\text{ml}$</p>	6	Hộp
27	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinin	<p>Thuốc thử chẩn đoán định lượng Creatinin trong huyết thanh và huyết tương người</p> <p>*Thành phần hóa chất R1:</p> <p>Sodium Hydroxide: 240 mmol/l</p> <p>Thành phần hóa chất R2:</p> <p>Picric Acid: 26 mmol/l</p> <p>*Thể tích: (R1: $\geq 220\text{ml}$+ R2: $\geq 55\text{ml}$)/Hộp</p>	42	Hộp
28	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CRP	<p>Thành phần chính:</p> <p>*R1 (Dung dịch đệm):</p> <p>Phosphate buffered saline (pH 7.43)</p> <p>Polyethylene glycol 40 g/l</p> <p>Sodium azide (<0,1%)</p> <p>*R2 (Kháng thể):</p> <p>Phosphate buffered saline (pH 7.43)</p> <p>Polyclonal goat anti-human CRP variable</p> <p>Sodium azide (<0,1%)</p> <p>Thể tích: (R1: $\geq 80\text{ml}$+ R2: $\geq 20\text{ml}$)/Hộp</p>	6	Hộp
29	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CRP	<p>Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CRP trong máu hoặc huyết tương, huyết thanh.</p> <p>Thể tích: $\geq 1\text{ml}$ /Hộp</p>	3	Hộp
30	Chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng CRP mức độ thấp	<p>Chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng CRP trong máu hoặc huyết tương, huyết thanh ở mức độ thấp</p> <p>Thành phần chứa huyết thanh người có hàm lượng CRP thấp cùng với dung dịch đệm muối phosphate, chất ổn định</p> <p>Thể tích: $\geq 1\text{ml}$ /Hộp</p>	4	Hộp
31	Chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng CRP mức độ cao	<p>Chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng CRP trong máu hoặc huyết tương, huyết thanh ở mức độ cao.</p> <p>Thành phần chứa huyết thanh người có chứa hàm lượng CRP cao cùng với dung dịch đệm muối phosphate, chất ổn định.</p> <p>Thể tích: $\geq 1\text{ml}$ /Hộp</p>	4	Hộp


2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định, đường Phù Nghĩa, Phường Lộc Hạ, Thành phố Nam Định.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: trong năm 2024-2025.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- BGĐ, Khoa Dược-TTBYT-KSNK;
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đoàn Trọng Thuyết



Phụ lục: Mẫu báo giá

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của *Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định*, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục ⁽²⁾	Tên thương mại ⁽³⁾	Thông số kỹ thuật ⁽⁴⁾	Hãng sản xuất ⁽⁵⁾	Nước sản xuất ⁽⁶⁾	Quy cách đóng gói ⁽⁷⁾	Số lượng, khối lượng ⁽⁸⁾	Đơn giá ⁽⁹⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹⁰⁾ (VND)
1	Hàng hoá 1								
2	Hàng hoá 2								
n	...								
Tổng cộng									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về thông số kỹ thuật của hàng hoá)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹¹⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi “danh mục hàng hoá” theo đúng tên đã ghi tại cột “Danh mục hàng hoá” trong **Bảng của Yêu cầu báo giá**.

(3), (4), (5), (6), (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể Tên thương mại, Thông số kỹ thuật, Hãng sản xuất, nước sản xuất, quy cách đóng gói của từng danh mục hàng hoá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Bảng của Yêu cầu báo giá.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hoá (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá. Đơn vị Việt Nam Đồng

(11) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.